TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24-11-2023
"V/v *ly hôn, nuôi con chung giữa chị Th - anh L*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Ngọc Tân.

2. Bà Phạm Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2023/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Kim Th, sinh năm 2000.
Địa chỉ: Tổ dân phố Kh, phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy L, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Tổ 3x, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt chị Th, Anh L có đơn xin xử án vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai nguyên đơn là chị Bùi Kim Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Duy L tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q vào ngày 13/01/2020, sau khi kết hôn cả hai đều sinh sống tại thị trấn A. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, ngoài ra anh L còn nghiện ma túy vì vậy đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 02/2021 cho tới nay vợ chồng sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh L.

-Về con chung: Chị Th khai vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 27/7/2020, con chung do chị Th đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn xảy ra chị Th đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Chị Th khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Duy L: Tại biên bản ghi lời khai anh L tại gia đình anh L ngày 07/11/2023 anh L trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh L xác nhận lời khai của chị Th về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, nay chị Th làm đơn khởi kiện ly hôn anh cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, anh cũng nhất trí xin được ly hôn chị Th. Về con chung anh L khai anh và chị Th có 01 con chung là Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 27/7/2020 hiện chị Th đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh nhất trí để chị Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung anh L khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là chấp hành chưa tốt các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 khoản Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Th được ly hôn anh L; Về con chung xử giao con chung Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 27/7/2020 cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Chị Th và anh L không yêu cầu giải quyết tài sản chung, vì vậy không đặt ra giải quyết; Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Kim Th khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Duy L. Anh L là bị đơn, đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại Tổ 3x, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bị đơn đã có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt gửi Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ. Căn cứ vào

khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Kim Th và anh Nguyễn Duy L được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q vào ngày 13/01/2020 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai sinh sống và lao động tự do tại thị trấn A, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 02/2021 mâu thuẫn căng thẳng, chị Th đã trở về quê tại tỉnh Thái Nguyên sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Th làm đơn khởi kiện ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng anh L vắng mặt tại Tòa án, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh L tại gia đình, anh L xác nhận tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Th không còn và đề nghị xin được ly hôn, do công việc bận mải anh không đến Tòa án Quỳnh Phụ tham gia tố tụng được, anh đề nghị xin được xử án vắng mặt. Đối với chị Th quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Th giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Th được ly hôn anh L là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị Th và anh L có 01 con chung là Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 27/7/2020, con chung hiện do chị Th đang trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị Th và anh L đều đề nghị giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay. Xét thấy con chung đang sinh sống và ổn định học tập tại nơi cư trú, hiện chị Th làm công nhân có mức thu nhập ổn định, vì vậy cần xử giao con chung cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng và chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]Về tài sản chung: Chị Th và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6]Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Kim Th được ly hôn anh Nguyễn Duy L.

2/Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 27/7/2020 cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con

chung.

Anh L có quyền thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị Th và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005927 ngày 05/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Thái Bình.
-TAND tỉnh Thái Bình.
-VKSND huyện Quỳnh Phụ.
-Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.
-UBND TT A.
-Người tham gia tố tụng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN MINH ĐỨC